

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Hàn Quốc học

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQHNN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6
4	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6
		Cộng	14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
9	KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
		Cộng	15	24

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
13	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
14	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì)	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	20	29

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
19	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
20	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	19	28

Năm học 2025-2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Hàn Quốc học

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
4	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
5	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Cộng	17	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
7	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
8	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
9	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
10	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
11	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
		Cộng	18	30

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
12	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
13	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
14	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6
15	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6
16	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
17-18		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	20	29

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
20	KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
21	KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
23-24		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	16	22

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Ngôn ngữ & văn hóa

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6
4	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6
		Cộng	14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FL1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
9	KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
		Cộng	15	24

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	FL1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
13	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
14	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FL1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
19	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
20	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FL1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành: Sư phạm Tiếng Hàn

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
4	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
5	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Cộng	17	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
7	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
8	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
9	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
10	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
11	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
		Cộng	18	30

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
12	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
13	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
14	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6
15	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6
16	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3	6	6
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	PSF3007	Tâm lý học	3	3
20	KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
21	KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
23-24		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	19	25

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	KOR3050	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn	3	3
28	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3
29		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
32	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
33	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3
34	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
35-36		Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	3
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3
	KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Biên phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6
4	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6
		Cộng	14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
9	KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
		Cộng	15	24

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
13	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
14	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	20	29

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
19	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
20	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	19	28

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	3
26	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
27	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
31	KOR3003	Biên dịch	3	3
32	KOR3002	Phiên dịch	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Biên phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
4	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
5	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Cộng	17	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
7	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
8	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
9	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
10	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
11	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
		Cộng	18	30

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
12	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
13	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
14	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6
15	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6
16	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3	6	6
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
20	KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	16	22

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
26	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3
27	KOR3008	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
28		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
31	KOR3003	Biên dịch	3	3
32	KOR3002	Phiên dịch	3	3
33-34		Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	3
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3

	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
		Cộng	14	14

	KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3
	KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	3
		Cộng	17	17

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
35	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
36	KOR3005	Biên dịch chuyên ngành	3	3
37	KOR3004	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
38	KOR3006	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
39-41		Tự chọn khối V.1.2	9	9
	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3
	KOR3047	Phiên dịch nâng cao	3	3
	KOR3048	Biên dịch nâng cao	3	3
	KOR3021	Dịch văn bản tin tức báo chí	3	3
	KOR3009	Dịch văn học	3	3
	KOR3010	Dịch phim Hàn Quốc	3	3
	KOR3069	Dịch cabin	3	3
	KOR3067	Kỹ năng viết văn bản tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3
	KOR3068	Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3
	KOR3070	Kỹ năng giao tiếp	3	3
	KOR3035	Nhập môn tiếng Hàn chuyên ngành	3	3
	KOR3016	Tiếng Hàn luật pháp	3	3
	KOR3013	Tiếng Hàn quản trị - kinh doanh	3	3
	KOR3020	Tiếng Hàn công nghệ thông tin	3	3
	KOR3017	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng	3	3
	KOR3014	Tiếng Hàn du lịch - khách sạn	3	3
	KOR3012	Tiếng Hàn tài chính - ngân hàng	3	3
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	3
	KOR2005	Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	21	21

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thúy Lan

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
42	KOR4001	Thực tập	3	
43-44	KOR4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	6	
		Cộng	9	

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2023.F.1 (2023-2027)

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành: Sư phạm Tiếng Hàn

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)										
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4		

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2023-2024**

Học Kỳ 1				
Han	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6
4	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6
		Cộng	14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
8	KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
9	KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
		Cộng	15	24

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
13	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
14	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	20	29

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	PSF3007	Tâm lý học	3	3
19	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
20	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
21	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
23-24		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	3
28	KOR3050	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngữ	2	2
32	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
33	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3

29	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3

34	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
35-36		Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	<i>KOR2008</i>	<i>Hán tự tiếng Hàn</i>	<i>3</i>	<i>3</i>

